

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2021/DS-PT

Ngày 22/12/2021

V/v Tranh chấp HĐ vay tài sản;
BTTH do danh dự bị xâm phạm;
HĐ mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Giao

Ông Phạm Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, Bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần, Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2021/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TH bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 204/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 310/2021/QĐ-PT ngày 24/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1.1. Ông Trần Văn G, sinh năm 1968;

1.2. Bà Lộ Thị Mỹ L, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã Tân Thành B, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn G và bà Lộ Thị Mỹ L: Bà Tăng Thị L2, sinh năm 1961.

Địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị trấn S, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị Thúy M, sinh năm 1981

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã Tân Thành B, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo uỷ quyền của chị Võ Thị Thúy M: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn S, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền L1, nghĩa vụ L2 quan:* Anh Lê Minh L1, sinh năm 1980

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã TTB, huyện TH, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp MT, xã VH, huyện Vĩnh L1, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Võ Thị Thúy M, Lê Minh L1.

(Bà Tăng Thị L2, anh Lê Văn T1 và anh Lê Minh L1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trần Văn G và bà Lộ Thị Mỹ L có người đại diện theo uỷ quyền là bà Tăng Thị L2 trình bày:

Vào ngày 22-8-2017 chị Võ Thị Thúy M có vay của ông G và bà L 140.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, trong thời gian 12 tháng sẽ trả lãi và gốc và có cầm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số bìa CE636660, thuộc thửa đất số 2156, tờ bản đồ số 4, diện tích 38m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm và số bìa CE636659, thuộc thửa đất số 2155, tờ bản đồ số 4, diện tích 300m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, loại nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 38,61m², diện tích sàn 38,61m², loại nhà cấp 4). Nhưng đến nay chị M chưa trả số tiền vay gốc cũng không đóng lãi.

Nay ông G và bà L yêu cầu chị M trả lại 140.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 22-8-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 18-3-2021 là 42 tháng (tính tròn) với lãi suất 1,67%/tháng thành tiền 98.196.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 238.196.000 đồng.

Ông G, bà L đồng ý tự nguyện trả lại cho chị M 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CE636660 và CE636659 nêu trên.

Ngoài ra, bà L còn khai là sau khi cộng sổ mua phân và tính tiền lãi chậm trả thì vào khoảng tháng 3-4 năm 2017 bà có đến L2 hệ trưởng ấp Đuôi Tôm, xã Tân Hộ Cơ (ông Nguyễn Văn H1) yêu cầu đến tại bến lúa ấp Đuôi Tôm, xã Tân Hộ Cơ vì khi đó anh L1 đang bán lúa để hỗ trợ thu hồi nợ tiền mua vật tư nông nghiệp mà anh L1, chị M thiếu nhưng ông H1 cho rằng việc này là dân sự giữa các bên khi nào gây rối mất trật tự thì chính quyền địa phương sẽ giải quyết nhưng khi đó ông H1 có điện thoại cho anh L1 để hỏi việc anh L1 thiếu tiền của đại lý Văn G và có nói “thiếu tiền thì trả vì khi mình mua vật tư nông nghiệp thiếu của cửa hàng là mình còn phải

mang ơn” sau đó bà L có đến gặp anh L1, chị M và đã nhận được khoảng 103.663.000đồng cho nên việc mua bán vật tư nông nghiệp giữa đại lý Văn G và anh L1, chị M đến nay không còn thiếu.

- Bị đơn chị Võ Thị Thúy M có người đại diện theo ủy quyền là anh Lê Văn T1 trình bày:

Qua yêu cầu của nguyên đơn thì chị M không thống nhất vì chị M không có hỏi vay của ông G, bà L 140.000.000đồng. Chị M thừa nhận là có đưa 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CE636660 và số bìa CE636659 như nguyên đơn trình bày cho ông G, bà L với mục đích là để làm tin vì thời điểm đó vợ chồng chị M có thiếu số tiền là 243.201.500đồng do mua vật tư nông nghiệp của ông G, bà L. Chị M thừa nhận là có ký tên vào “giấy cầm đất ở” đề ngày 22-8-2017 là do bà L kêu ký tên, khi đó chị M không biết chữ nên không biết nội dung là gì chỉ biết ký để làm tin vì đã đưa 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà L.

Đến khoảng tháng 9 năm 2017, chị M và anh L1 có bán lúa vụ hè thu tại bến lúa của anh Phú thuộc ấp Đuôi Tôm, xã Tân Hộ Cơ thì bà L cùng 03 người lạ không biết họ tên đến cưỡng ép để lấy 240.000.000đồng do chị M còn thiếu tiền mua vật tư nông nghiệp nên đồng ý trả cho bà L. Như vậy, sau khi chót số tiền thiếu mua vật tư nông nghiệp thì chị M chỉ còn thiếu ông G, bà L 3.201.500đồng. Nay chị M không đồng ý trả theo yêu cầu của bà L, ông G mà chỉ thống nhất trả số tiền còn nợ 3.201.500đồng.

Ngày 05-3-2020, chị M yêu cầu phản tố hủy “giấy cầm đất ở” đề ngày 22-8-2017 giữa bên cầm đất là chị Võ Thị Thúy M và bên nhận cầm đất là ông Trần Văn G, yêu cầu nguyên đơn trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CE636660 và CE636659 và yêu cầu bà L bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín của chị M bị xâm phạm với số tiền là bằng 10 tháng lương cơ bản theo quy định pháp luật.

Tiếp đến ngày 05-11-2020, chị M yêu cầu phản tố bổ sung do vào ngày 21-9-2020 tại phiên H1 giải thì đại diện theo ủy quyền của bà L cho rằng chị M không còn thiếu tiền gì của ông G, bà L kể từ năm 2017, vì vậy chị M yêu cầu phía nguyên đơn phải trả 240.000.000đồng và lãi là 32.064.000đồng ($240.000.000\text{đồng} \times 1,67\% \times 38 \text{ tháng}$) đây là số tiền bà L cưỡng đoạt của chị M khi bán lúa vào tháng 9 năm 2017 nêu trên. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18-3-2021 bị đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22-3-2021 chị M và anh H thống nhất chỉ yêu cầu bà L và ông G trả số tiền lãi của số tiền 240.000.000đồng là

32.064.000đồng như theo đơn phản tố ngày 05-11-2020, còn số tiền chênh lệch (do tính toán nhầm) thì không yêu cầu nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu thì chị M cũng bỏ số tiền lãi chênh lệch.

- **Người có quyền L1 nghĩa vụ L2 quan Lê Văn L1 trình bày:** Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị M.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2021/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TH đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị M có nghĩa vụ trả cho ông G và bà L số tiền vay gốc 140.000.000đồng và lãi 98.196.000đồng. Tổng cộng gốc và lãi 238.196.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Công nhận sự tự nguyện của ông G và bà L trả lại cho chị M 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số bìa CE636660, được Ủy ban nhân dân huyện TH cấp ngày 14-10-2016 thuộc thửa đất số 2156, tờ bản đồ số 4, diện tích 38m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số bìa CE636659, được Ủy ban nhân dân huyện TH cấp ngày 14-10-2016 thuộc thửa đất số 2155, tờ bản đồ số 4, diện tích 300m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, loại nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 38,61m², diện tích sàn 38,61m², cấp 4.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc:

- Bị đơn yêu cầu hủy “giấy cầm đất ở” đề ngày 22-8-2017 giữa bên cầm đất là chị M và bên nhận cầm đất là ông G.

- Bị đơn yêu cầu ông G và bà L trả 240.000.000đồng và lãi 32.064.000đồng.

- Bị đơn yêu cầu ông G và bà L bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm bằng 10 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị M phải nộp 25.813.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo hai biên lai số: BH/2018: 0008538 ngày 23-3-2020 và số: BI/2019: 0009019 ngày 05-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH. Vậy chị M còn phải nộp 18.713.000đồng.

- Ông G và bà L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông G, bà L 5.460.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BH/2018: 0008427 ngày 30-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH.

- Ngày 23/3/2021 anh L1, chị M kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TH.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh Lê Văn T1 và anh Lê Minh L1 phát biểu: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh L1, chị M, hủy hoặc sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bà L2 phát biểu: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh L1, chị M, giữ nguyên án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị M và anh L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, Bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm, Hợp đồng mua bán tài sản là đúng pháp luật.

[2] Xét anh L1, chị M kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và buộc ông G, bà L cung cấp chứng từ, sổ sách mua nợ phân, thuốc trừ sâu; tuyên hủy hợp đồng cầm cố; yêu cầu ông G, bà L trả số tiền 240.000.000đ và bồi thường tổn thất tinh thần 14.900.000đ, trong đó:

[2.1] Đối với kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh H cho rằng tại các phiên hòa giải ngày 21/02/2020 và ngày 21/9/2020 không có Thẩm phán. Chỉ có ngày 21/02/2021 là có Thẩm phán tiến hành hòa giải. Xét thấy 03 phiên hòa giải ngày 21/02/2020, ngày 21/9/2020 và ngày 21/02/2021 đều có chữ ký của Thẩm phán.

Ngoài ra anh Lê Văn T1 còn nại ra một số sai sót về thủ tục của Tòa án cấp sơ thẩm, tuy nhiên không có cơ sở để chứng minh Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Do đó, xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đúng trình tự thủ tục theo pháp luật quy định nên không chấp nhận kháng cáo của anh L1, chị M phần này. Không hủy bản án sơ thẩm.

[2.2] Đối với kháng cáo yêu cầu buộc ông G, bà L cung cấp chứng từ, sổ sách mua nợ phân, thuốc trừ sâu, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Lê Văn T1 cho rằng toàn bộ hồ sơ không có bất cứ tài liệu nào thể hiện việc mua bán thuốc trừ sâu và phân bón như vậy bà L căn cứ vào đâu để lấy 240.000.000đồng hay 103.663.000đồng của bị đơn, yêu cầu nguyên đơn cung cấp giao nộp sổ sách chi tiết mua bán nợ phân, thuốc trừ sâu.

Tuy nhiên, bên nguyên đơn cung cấp “Giấy cầm đất ở” đề ngày 22-8-2017 để yêu cầu bị đơn trả lại tiền vay gốc 140.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 22-8-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 18-3-2021 = 42 tháng (tính tròn tháng) với lãi suất 1,67% = 98.196.000đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 238.196.000đồng.

Nguyên đơn không có khởi kiện yêu cầu giải quyết nợ tiền mua vật tư nông nghiệp.

Bị đơn cho rằng không có vay hỏi tiền của nguyên đơn mà chỉ thừa nhận là có mua vật tư nông nghiệp từ năm 2016 đến 2017 của cửa hàng vật tư nông nghiệp Văn G (do ông Trần Văn G bà Lộ Thị Mỹ L làm chủ) thiếu tổng cộng số tiền 243.201.500 đồng. Xét thấy đây là yêu cầu phản tố thì bị đơn có nghĩa vụ cung cấp, chứng minh.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của anh L1, chị M phần này.

[2.3] Đối với kháng cáo yêu cầu tuyên hủy hợp đồng cầm cố, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bản chất của “giấy cầm đất ở” ngày 22-8-2017 giữa ông G với chị M là nhằm để thực hiện hợp đồng vay tài sản. Do đó, không chấp nhận yêu cầu phản tố hủy “giấy cầm đất ở” của bị đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà L và người đại diện theo ủy quyền của ông G đồng ý tự nguyện giao trả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị M nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự tự nguyện của các đương sự, xét thấy phù hợp.

Nên không chấp nhận kháng cáo của anh L1, chị M phần này.

[2.4] Đối với kháng cáo yêu cầu ông G, bà L trả số tiền 240.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị đơn chị M cho rằng đây là số tiền bà L cưỡng đoạt của chị M khi bán lúa vào tháng 9 năm 2017, tuy nhiên bên chị M không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Theo lời khai của những người làm chứng cũng không đủ cơ sở để buộc ông G, bà L trả cho chị M 240.000.000đ như chị M yêu cầu.

Cho nên không chấp nhận kháng cáo của anh L1, chị M phần này.

[2.5] Đối với kháng cáo yêu cầu ông G, bà L bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm với số tiền 14.900.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lê Văn T1 đại diện chị M rút kháng cáo phần này.

Anh L1 vẫn yêu cầu bồi thường, vì cho rằng việc nguyên đơn lừa dối, ép buộc bị đơn ký tên vào “giấy cầm đất ở” và nay khởi kiện bị đơn làm ảnh hưởng uy tín của bị đơn và việc nguyên đơn cưỡng đoạt bị đơn 240.000.000đồng dẫn đến việc bị đơn không còn đủ tiền để thuê đất sản xuất nông nghiệp mà phải bỏ địa phương đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử đã nhận định rằng bà L, ông G không có lỗi trong vụ án này và do không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh L1, chị M buộc bà L, ông G trả 240.000.000đ như phân tích ở phần [2.4] nên không chấp nhận kháng cáo phần này.

Xét thấy, yêu cầu kháng cáo của anh L1, chị M không có cơ sở nên không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh L1, chị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh L1, chị M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Lê Văn L1, chị Võ Thị Thúy M.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 430, 440, 463, 466, 468, 584 và 592 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn G và bà Lộ Thị Mỹ L.

Buộc chị Võ Thị Thúy M có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn G và bà Lộ Thị Mỹ L số tiền vay gốc 140.000.000đồng và lãi 98.196.000đồng. Tổng

cộng gốc và lãi 238.196.000đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu một trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Công nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn G và bà Lộ Thị Mỹ L trả lại cho chị Võ Thị Thúy M 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số bìa CE636660, được Ủy ban nhân dân huyện TH cấp ngày 14-10-2016 thuộc thửa đất số 2156, tờ bản đồ số 4, diện tích 38m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số bìa CE636659, được Ủy ban nhân dân huyện TH cấp ngày 14-10-2016 thuộc thửa đất số 2155, tờ bản đồ số 4, diện tích 300m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, loại nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 38,61m², diện tích sàn 38,61m², cấp 4.

3. Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn chị Võ Thị Thúy M cụ thể như sau:

- Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn chị Võ Thị Thúy M về việc yêu cầu hủy “giấy cầm đất ở” đề ngày 22-8-2017 giữa bên cầm đất là chị Võ Thị Thúy M và bên nhận cầm đất là ông Trần Văn G.

- Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn chị Võ Thị Thúy M về việc yêu cầu ông Trần Văn G và bà Lộ Thị Mỹ L trả 240.000.000đồng và lãi 32.064.000đồng.

- Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn chị Võ Thị Thúy M về việc yêu cầu ông Trần Văn G và bà Lộ Thị Mỹ L bồi thường thiệt hại danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm bằng 10 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định.

4. Về án phí:

- Buộc chị Võ Thị Thúy M phải nộp 25.813.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo hai biên lai số 0008538 ngày 23-3-2020 và 6.800.000đ theo biên lai số 0009019 ngày 05-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH. Do đó, chị Võ Thị Thúy M còn phải nộp 18.713.000đồng (Mười tám triệu, bảy trăm mười ba nghìn đồng).

- Buộc chị Võ Thị Thúy M và anh Lê Minh L1 mỗi người phải nộp 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền

tạm ứng án phí đã nộp theo hai biên lai số 0009203 ngày 23-3-2021 và số 0009396 ngày 21-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH

- Ông Trần Văn G và bà Lộ Thị Mỹ L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông G, bà L 5.460.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BH/2018: 0008427 ngày 30-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện TH;
- Chi cục THADS huyện TH;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc H